TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:07/2024/QĐST-KDTM	*Sơn Trà, ngày 08 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đời**

2. Ông **Nguyễn Kim Thành**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án KDTM thụ lý số: 43/2024/TLST-KDTM ngày 25/10/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-KDTM ngày 24/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-KDTM ngày 23/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29A/2024/QĐST-KDTM ngày 22/03/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2024/ QĐST –KDTM ngày 11/04/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cung cấp thi công lắp đặt"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần R** (Trước đây là Công ty cổ phần Đ). Địa chỉ: Số 52-54 đường V, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc T** - Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn V**, chức vụ: Phó Tổng giám đốc Khối vận hành theo Giấy ủy quyền số: 50/2023/RGG-GUQ ngày 05/10/2023 của Công ty Cổ phần R; bà **Thái Thị H**, chức vụ: Chuyên viên pháp chế doanh nghiệp theo Giấy ủy quyền số: 49/2023/RG-GUQ ngày 05/10/2023 của Công ty Cổ phần R. Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH Kỹ Thuật N**. Địa chỉ trụ sở: Số 97/10 đường T, phường 5, quận G, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức T**, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác nhận nợ: **Công ty TNHH Kỹ Thuật N**. Địa chỉ trụ sở: Số 97/10 đường

T, phường 5, quận G, thành phố H còn nợ **Công ty Cổ phần R** (Trước đây là Công ty cổ phần Đ). Địa chỉ: Số 52-54 đường V, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng tổng số tiền: **2.569.539.730 đồng** (hai tỷ năm trăm sáu chín triệu, năm trăm ba chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng). Trong đó tiền tạm ứng chưa hoàn trả theo hợp đồng số 17/2022/HĐXD/DXMT-NĐ ngày 18/04/2022 là: **1.706.836.891**đồng (một tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu, tám trăm ba sáu ngàn, tám trăm chín mốt đồng). Nợ lãi của số tiền chưa hoàn trả: **362.702.839** đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, tám trăm ba chín đồng). Lãi tính từ ngày 10/03/2023 đến ngày 08/05/2024 (lãi theo hợp đồng 0,05%/01 ngày, 425 ngày). Tiền phạt do vi phạm hợp đồng: **500.000.000** đồng (năm trăm triệu đồng) và có trách nhiệm trả theo phương thức và thời hạn sau;

- Thời hạn và phương thức trả nợ:

+ Trả nợ gốc số tiền gốc, lãi và tiền phạt: **2.569.539.730 đồng** (hai tỷ năm trăm sáu chín triệu, năm trăm ba chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) vào ngày 15/06/2024.

Kể từ ngày **Công ty Cổ phần R** (Trước đây là Công ty cổ phần Đ) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng **Công ty TNHH Kỹ Thuật N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: **83.390.795 đồng** *(tám mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bảy trăm chín lăm đồng*) các bên đương sự thỏa thuận **Công ty TNHH Kỹ Thuật N** phải chịu.

Hoàn trả cho **Công ty Cổ phần R** số tiền tạm ứng án phí đã nộp: **56.637.116 đồng** (*năm mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm mười sáu đồng*) theo biên lai thu số 0002118 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Dương Thị Kim Nhung